

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2433/2022/DS-ST.

Ngày: 30/6/2022.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Quốc Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Chu Mạnh Tường.

2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Giang – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 607/2020/TLST-DS, ngày 31/12/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3241/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3809/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Phí Thị Thu L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 41/17 Đường 11, Khu phố M, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:*

- Ông Ngô Minh Tr, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 9 Đường số 4, Tổ 13, Khu phố N, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1965

Địa chỉ: 45A Đường 21, Tổ 20, Khu phố K, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Chí Th, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 42/2B/3 đường B, Khu phố H, phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: Bà Phí Thị Thu L có mặt; Ông Ngô Minh Tr có mặt; Bà Nguyễn Thị Phương D vắng mặt; Ông Nguyễn Chí Th xin vắng mặt).

### NỘI D VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện ngày 28/12/2020, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn – Bà Phí Thị Thu L trình bày:* Ngày 07/6/2019, bà phí Thị Thu L và ông Nguyễn Chí Th có cho ông Ngô Minh Tr và bà Nguyễn Thị Phương D vay số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Các bên có ra Văn phòng công chứng Đông Thành Phố để lập hợp đồng vay tiền.

Đến ngày 07/01/2020, bà D tiếp tục vay thêm số tiền 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng. Thể hiện như sau: Tại Trang 03 mặt sau của hợp đồng vay tiền ngày 07/6/2019 ghi bằng bút bi nội D “*Tôi tên là Nguyễn Thị Phương D, 1965. Ngô Minh Tr – 1964 từ ngày 7.1. 2020 cho tới đến 7.6.2020. Tôi có mượn của anh Nguyễn Chí Th và Phí Thị Thu L, số tiền là: 1.330 triệu đồng. (1 tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng)*”. Chữ viết nội D vay tiền vừa nêu là do bà Phí Thị Thu L viết và ký tên, ghi họ tên bên người cho mượn. Bà Nguyễn Thị Phương D ký tên, ghi họ tên bên người mượn. Không có ông Ngô Minh Tr ký tên. Bà L giải thích nội D vay tiền đoạn viết bằng bút bi: Do bà D muốn vay thêm nên ngày 07/01/2020 là vay thêm và hạn đến ngày 07/6/2020 là trả toàn bộ gồm 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng + tiền vay thêm 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng. Tổng cộng 1.330.000.000 (Một tỷ ba trăm ba mươi triệu) đồng.

Đề nghị Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Phương D và ông Ngô Minh Tr, có trách nhiệm trả cho bà Phí Thị Thu L và chồng là ông Nguyễn Chí Th số tiền 1.330.000.000 (Một tỷ ba trăm ba mươi triệu) đồng, trả ngay 01 lần. Về tiền lãi tính là 1%/1tháng đối với số tiền 1.330.000.000 đồng, tính từ ngày 08/6/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử.

*Tại phiên tòa bà Phí Thị Thu L thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:* Đề nghị Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Phương D và ông Ngô Minh Tr, cùng có trách nhiệm trả cho bà Phí Thị Thu L và chồng là ông Nguyễn Chí Th số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Tiền lãi tính theo quy định của pháp luật, tính lãi từ ngày 08/6/2020 đến ngày tòa xét xử là 30/6/2022.

Đối với số tiền vay thêm là 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nếu có cơ sở buộc vợ chồng ông Tr bà D cùng trả thì đề nghị buộc cùng trả, nếu không thì đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn

Thị Phương D phải có trách nhiệm trả 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng. Tiền lãi tính theo quy định của pháp luật, tính lãi từ ngày 08/6/2020 đến ngày tòa xét xử là 30/6/2022.

*Bị đơn – ông Ngô Minh Tr trình bày:* Ngày 07/6/2019, ông Ngô Minh Tr và vợ là Nguyễn Thị Phương D có vay của vợ chồng ông Nguyễn Chí Th và bà Phí Thị Thu L số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Các bên có ra Văn phòng công chứng Đông Thành Phố để lập hợp đồng vay tiền. Số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng ông Tr và bà D đã nhận. Đối với số tiền này thì ông Tr có trả hàng tháng, tính trả được 05 lần  $\times 1.500.000đ = 7.500.000$  (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, nhưng không có làm giấy tờ gì để chứng minh. Nay cá nhân ông Tr đồng ý trả 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng cho phía bà L. Đối với số tiền vay thêm 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng bà L trình bày thì ông Tr không biết và không có ký tên vào giấy vay này nên không đồng ý trả.

*Bị đơn – Bà Nguyễn Thị Phương D:* Bà D vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không thu thập được lời trình bày của bà D.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Chí Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày:* Số tiền 1.330.000.000 (Một tỷ ba trăm ba mươi triệu) đồng ông Nguyễn Chí Th và bà Phí Thị Thu L cho ông Ngô Minh Tr và bà Nguyễn Thị Phương D vay là tài sản chung của vợ chồng. Nay bà Phí Thị Thu L kiện yêu cầu ông Tr và bà D phải trả số tiền trên, ông hoàn toàn đồng ý và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu: Các trình tự, thủ tục đều tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cần rút kinh nghiệm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Ngô Minh Tr và bà Nguyễn Thị Phương D có trách nhiệm trả cho bà Phí Thị Thu L và ông Nguyễn Chí Th số tiền: Tiền nợ còn thiếu 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng và tiền lãi tính 08/6/2020 đến ngày xét xử 30/6/2022, lãi suất tính theo quy định pháp luật. Buộc bà Nguyễn Thị Phương D có trách nhiệm trả cho bà Phí Thị Thu L và ông Nguyễn Chí Th số tiền: Tiền nợ còn thiếu 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng và tiền lãi tính 08/6/2020 đến ngày xét xử 30/6/2022, lãi suất tính theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn – bà Phí Thị Thu L khởi kiện bị đơn – ông Ngô Minh Tr và bà Nguyễn Thị Phương D tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Phí Thị Thu L có mặt; Bị đơn – ông Ngô Minh Tr có mặt; Bị đơn - bà Nguyễn Thị Phương D vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Chí Th có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn – bà Phí Thị Thu L yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Phương D và ông Ngô Minh Tr, cùng có trách nhiệm trả cho bà Phí Thị Thu L và chồng là ông Nguyễn Chí Th số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng. Tiền lãi tính theo quy định của pháp luật, tính lãi từ ngày 08/6/2020 đến ngày tòa xét xử là 30/6/2022. Đối với số tiền vay thêm là 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nếu có cơ sở buộc vợ chồng ông Tr bà D cùng trả thì đề nghị buộc cùng trả, nếu không thì đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Phương D phải có trách nhiệm trả 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng. Tiền lãi tính theo quy định của pháp luật, tính lãi từ ngày 08/6/2020 đến ngày tòa xét xử là 30/6/2022.

Hội đồng xét xử nhận định: Xét thấy, Hợp đồng vay tiền ngày 07/6/2019, do Bên A - ông Nguyễn Chí Th, bà Phí Thị Thu L và Bên B - ông Ngô Minh Tr, bà Nguyễn Thị Phương D ký vay số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận đã ký. Ông Tr và bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà L khởi kiện ông Tr và bà D, cùng có trách nhiệm trả cho bà L và chồng là ông Th số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng là có căn cứ. Bị đơn – ông Tr khai là đã trả được 05 lần, mỗi lần 1.500.000 đồng. Tổng cộng 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, chỉ được thể hiện qua lời khai của bà Ngô Thị Minh Trang (con của ông Tr và bà D), số tiền này không được phía bà L thừa nhận là đã trả, nên lời trình bày của ông Tr là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền vay 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng ngày 07/01/2020. Bà L thừa nhận nội D vay tiền là do bà L viết và ký tên, ghi họ tên bên người cho mượn. Bà Nguyễn Thị Phương D ký tên, ghi họ tên bên người mượn. Ông Ngô Minh Tr không có mặt tại thời điểm đó và không ký tên vào nội D vay tiền này. Kết luận giám định ngày 15/3/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định “*Chữ viết “ Nguyễn Thị Phương D” tại dòng 1 (tính từ trên xuống) trên mặt sau trang 3 tài liệu ký hiệu A; chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Phương D dưới nội D “Ngày 7/1.2020 ...” trên mặt sau trang 3 tài liệu ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký dùng làm mẫu so sánh đứng tên Nguyễn Thị Phương D dưới mục “Bên B” trên trang 2 tài liệu ký hiệu A là do cùng một người viết, ký ra*”. Xét lời khai ông Tr trình bày, ông Tr và bà D là vợ chồng nhưng không còn sống chung nhà, bà D tự ý vay thêm tiền không trao đổi với ông Tr và sử dụng làm gì ông không biết. Ông Tr không đồng ý trả cùng trả số tiền

530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng. Do vậy, chỉ có cơ sở buộc bà Nguyễn Thị Phương D có trách nhiệm trả cho bà Phí Thị Thu L và ông Nguyễn Chí Th số tiền 530.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi phần lãi suất, đề nghị tính theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Do vậy, lãi suất xác định là 10%/năm, tiền lãi tính từ ngày 08/6/2020 đến ngày xét xử 30/6/2022 (là 02 năm 22 ngày) như sau: Tiền lãi của 800.000.000 đồng là 164.888.889 đồng. Tiền lãi của 530.000.000 đồng là 109.238.889 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phí Thị Thu L:

Buộc ông Ngô Minh Tr và bà Nguyễn Thị Phương D có trách nhiệm trả cho bà Phí Thị Thu L và ông Nguyễn Chí Th số tiền: Tiền nợ còn thiếu 800.000.000 đồng và tiền lãi tính 08/6/2020 đến ngày xét xử 30/6/2022 là 164.888.889 đồng. Tổng cộng 964.888.889 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương D có trách nhiệm trả cho bà Phí Thị Thu L và ông Nguyễn Chí Th số tiền: Tiền nợ còn thiếu 530.000.000 đồng và tiền lãi tính 08/6/2020 đến ngày xét xử 30/6/2022 là 109.238.889 đồng. Tổng cộng 639.238.889 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí: Chi phí giám định bà Phí Thị Thu L đã tự nguyện chịu và nộp tại cơ quan giám định. Về án phí, ông Ngô Minh Tr và bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu 40.946.667 đồng. Bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu 29.569.556 đồng. Bà Phí Thị Thu L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 26.859.750 đồng.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phân tích và đề nghị là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

### 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Phí Thị Thu L:

Buộc ông Ngô Minh Tr và bà Nguyễn Thị Phương D có trách nhiệm trả cho bà Phí Thị Thu L và ông Nguyễn Chí Th số tiền: Tiền nợ còn thiếu 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng và tiền lãi tính 08/6/2020 đến ngày xét xử 30/6/2022 là 164.888.889 (Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng. Tổng cộng 964.888.889 (Chín trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương D có trách nhiệm trả cho bà Phí Thị Thu L và ông Nguyễn Chí Th số tiền: Tiền nợ còn thiếu 530.000.000 (Năm trăm ba mươi triệu) đồng và tiền lãi tính 08/6/2020 đến ngày xét xử 30/6/2022 là 109.238.889 (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng. Tổng cộng 639.238.889 (Sáu trăm ba mươi chín triệu hai trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phí Thị Thu L và ông Nguyễn Chí Th cho đến khi thi hành án xong, ông Ngô Minh Tr và bà Nguyễn Thị Phương D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

### 2. Về án phí:

Ông Ngô Minh Tr và bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu 40.946.667 (Bốn mươi triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Bà Nguyễn Thị Phương D phải chịu 29.569.556 (Hai mươi chín triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm năm mươi sáu) đồng.

Bà Phí Thị Thu L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 26.859.750 (Hai mươi sáu triệu tám trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0058590 ngày 31/12/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) lập.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND Tp. HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- CCTHADS thành phố Thủ Đức;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Quốc Thịnh**